

KẾT QUẢ TỰ ĐO KIỂM CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẰNG RỘNG CÓ ĐỊNH MẬT ĐẬT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/xPON
(DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET CẤP QUANG)

Quý: I năm 2025

Tại địa bàn tỉnh, thành phố: Bà Rịa-Vũng Tàu

(Kèm theo bản Kết quả tự kiểm tra, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông số 0104/2025/TTC
 ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công Ty TNHH Đầu Tư TMDV Viễn Thông TTC)

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức Doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
1.	Thời gian trễ trung bình	≤ 50ms	≤ 50ms	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	22 ms	Phù hợp
2.	Tốc độ tải dữ liệu trung bình							
	+ Tốc độ tải xuống trung bình Pd	≥ 0,8 Vd	≥ 0,8 Vd	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.83	Phù hợp
3.	+ Tốc độ tải lên trung bình Pu	≥ 0,8 Vu	≥ 0,8 Vu	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.81	Phù hợp
	Dịch vụ hỗ trợ khách hàng - Thời gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng bằng nhân công qua điện thoại - Tỷ lệ cuộc gọi tới dịch vụ hỗ trợ khách hàng chiếm mạch thành công và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây	24 giờ trong ngày ≥ 80 %	24 giờ trong ngày ≥ 80 %	240 cuộc	240 cuộc	Gọi nhân công	24 giờ trong ngày 100%	Phù hợp



NGUYỄN VĂN THANH

KẾT QUẢ TỰ ĐO KIỂM CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẰNG RỘNG CÓ ĐỊNH MẶT ĐẤT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/xPON
(DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET CÁP QUANG)

Quý: I năm 2025
Tại địa bàn tỉnh, thành phố: Đồng Nai
(Kèm theo bản Kết quả tự kiểm tra, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông số 0104/2025/TTC
ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công Ty TNHH Đầu Tư TMDV Viễn Thông TTC)

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức Doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
1.	Thời gian trễ trung bình	≤ 50ms	≤ 50ms	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	22 ms	Phù hợp
2.	Tốc độ tải dữ liệu trung bình							
	+ Tốc độ tải xuống trung bình Pd	≥ 0,8 Vd	≥ 0,8 Vd	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.82	Phù hợp
	+ Tốc độ tải lên trung bình Pu	≥ 0,8 Vu	≥ 0,8 Vu	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.81	Phù hợp
3.	Dịch vụ hỗ trợ khách hàng - Thời gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng bằng nhân công qua điện thoại - Tỷ lệ cuộc gọi tới dịch vụ hỗ trợ khách hàng chiếm mạch thành công và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây	24 giờ trong ngày ≥ 80 %	24 giờ trong ngày ≥ 80 %	230 cuộc	230 cuộc	Gọi nhân công	24 giờ trong ngày 100%	Phù hợp



NGUYỄN VĂN THANH

KẾT QUẢ TỰ ĐO KIỂM CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẢNG RỘNG CÓ ĐỊNH MẶT ĐẤT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/xPON
(DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET CẤP QUANG)

Quý: I năm 2025

Tại địa bàn tỉnh, thành phố: TP. HCM

(Kèm theo bản Kết quả tự kiểm tra, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông số 0104/2025/TTC
 ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công Ty TNHH Đầu Tư TMDV Viễn Thông TTC)

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức Doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
1.	Thời gian trễ trung bình	$\leq 50\text{ms}$	$\leq 50\text{ms}$	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	21 ms	Phù hợp
2.	Tốc độ tải dữ liệu trung bình							
	+ Tốc độ tải xuống trung bình Pd	$\geq 0,8 \text{ Vd}$	$\geq 0,8 \text{ Vd}$	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.81	Phù hợp
	+ Tốc độ tải lên trung bình Pu	$\geq 0,8 \text{ Vu}$	$\geq 0,8 \text{ Vu}$	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.81	Phù hợp
3.	Dịch vụ hỗ trợ khách hàng - Thời gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng bằng nhân công qua điện thoại - Tỷ lệ cuộc gọi tới dịch vụ hỗ trợ khách hàng chiếm mạch thành công và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây	24 giờ trong ngày $\geq 80 \%$	24 giờ trong ngày $\geq 80 \%$	250 cuộc	250 cuộc	Gọi nhân công	24 giờ trong ngày 100%	Phù hợp



NGUYỄN VĂN THANH